

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC, THỜI GIAN SỬ DỤNG VÀ TỶ LỆ TÍNH HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số:/2021/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2021
của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Danh mục	Thời gian sử dụng (năm)	Tỷ lệ hao mòn (% năm)
Loại 1	Quyền tác giả		
1	Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác	25	4
2	Bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác	25	4
3	Tác phẩm báo chí	25	4
4	Tác phẩm âm nhạc	25	4
5	Tác phẩm sân khấu	25	4
6	Tác phẩm điện ảnh và tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự	25	4
7	Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng	25	4
8	Tác phẩm nhiếp ảnh	25	4
9	Tác phẩm kiến trúc	25	4
10	Bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, kiến trúc, công trình khoa học	25	4
11	Tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian	25	4
12	Chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu	5	20
Loại 2	Quyền sở hữu công nghiệp		
1	Sáng chế	20	5
2	Kiểu dáng công nghiệp	5	20
3	Thiết kế bố trí	10	10
4	Nhãn hiệu	10	10
Loại 3	Quyền đối với giống cây trồng		
1	Cây trồng thuộc loài thân gỗ và cây nho	25	4
2	Cây trồng khác	20	5

Loại 4	Phần mềm ứng dụng		
1	Phần mềm cơ sở dữ liệu	5	20
2	Phần mềm kế toán	5	20
3	Phần mềm tin học văn phòng	5	20
4	Phần mềm ứng dụng khác	5	20
Loại 5	Tài sản cố định vô hình khác	10	10

PHỤ LỤC 2**DANH MỤC TÀI SẢN CỔ ĐỊNH ĐẶC THÙ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:/2021/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2021
của UBND tỉnh Đồng Nai)*

STT	DANH MỤC
Loại 1	Di tích được xếp hạng
1	Di tích cấp quốc gia
2	Di tích cấp quốc gia đặc biệt
3	Di tích cấp tỉnh
Loại 2	Hiện vật trưng bày trong bảo tàng
1	Di vật
2	Cổ vật
3	Bảo vật quốc gia